

Số:66/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 17 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:84/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu Tân Lập, xã Kim Thượng, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Hà Văn Đ**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu Tân Lập, xã Kim Thượng, huyện T, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Bà Đinh Thị Hạnh -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,57,81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Th và anh Hà Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Th; anh Đ xác nhận có một con chung Hà Nhật Tân, sinh ngày 08/10/2016. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Nhật Tân kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi thành niên, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đóng góp: Chị Th, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th; anh Đ là người Dân tộc sinh sống ở khu có điều kiện kinh tế khó khăn nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Chí